

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/DS-PT
Ngày: 29 – 9 – 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 286/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2023/QĐ-HPT ngày 25/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1975; cư trú tại thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị D (H), sinh năm 1964; cư trú tại thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H1; cư trú tại thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q:

Bà quen biết bà D thông qua bà H1. Ngày 10/9/2020, bà D có vay của bà 30.000.000đ khi vay bà Lê Thị H1 là người viết giấy, chữ ký, chữ viết phía dưới cùng ghi tên “Hà Thị D” là chữ ký của bà D. Ngày 10/01/2021, bà D có mượn của bà Q số tiền 10.000.000đ và bà H1 có mượn 6.000.000đ. Trong ngày 10/1/2021, bà D tiếp tục mượn của bà số tiền 20.000.000đ. Ngoài ra, bà D còn mua 01 con heo của bà trị giá 3.600.000đ. Tổng số nợ là 63.600.000đ. Trừ số tiền 10.000.000đ bà D đã trả còn lại bà yêu cầu bà D phải thanh toán số tiền 53.600.000đ.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Hà Thị D:

Bà biết bà Q thông qua bà H1. Ngày 10/9/2020, bà có nhờ bà Lê Thị H1 vay cho số tiền 30.000.000đ là tiền của bà Q; bà Q đưa cho bà H1, sau đó bà H1 giao tiền cho bà vay. Tờ giấy vay tiền ngày 10/9/2020 là do bà H1 viết, phía dưới cùng có chữ ký, chữ viết ghi “Hà Thị D” đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Đến ngày 10/01/2021, chuyển số tiền bà nợ bà H1 sang thành bà nợ bà Q và có lập lại giấy. Ngày 27/6/2021, hai bên chốt nợ tại Công an xã T bà có làm đơn xin khẩn nợ, bà còn nợ bà Q số tiền 30.000.000đ. Lý do các bên lên Công an xã T ngày 27/5/2021 do bà Q thuê xã hội đen đến nhà bà đòi nợ nên bà báo công an xã T, tại công an xã bà có làm đơn xin khẩn nợ bà Q số tiền 30.000.000đ. Ngày 10/7/2021, bà đã trả số tiền gốc là 25.000.000đ của khoản tiền vay 30.000.000đ ngày 10/9/2020. Số tiền 5.000.000đ còn lại bà đồng ý trả cho bà Q. Cộng với số tiền 40 kg thịt heo, với giá 90.000 đ/kg thì bà đồng ý trả cho bà Q số tiền 3.600.000đ.

Nay bà không đồng ý với việc bà Q yêu cầu bà trả số tiền 63.600.000đ. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền 8.600.000đ.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1:

Đúng là bà Q và bà D quen biết nhau là thông qua bà. Ngày 10/9/2020 bà đứng ra lập giấy vay tiền, bà D là người vay tiền cũng là người nhận tiền, nguồn gốc số tiền 30.000.000 đồng là của bà Q đưa cho bà đưa bà D vay. Đối với giấy mượn tiền ghi ngày 10/01/2021 có nội dung “Tôi có mượn của bà Q là 16.000.000đ” trong đó bà mượn của bà Q 6.000.000đ, còn số tiền 10.000.000đ là bà D mượn. Số tiền 6.000.000đ bà mượn bà Q thì bà đã trả cho bà Q. Số tiền 10.000.000đ bà D cầm trả trực tiếp cho bà Q bà chỉ có mặt làm chứng chứ không phải do bà trả cho bà Q. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn bà Hà Thị D về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản.

2. Buộc bà Hà Thị D trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền nợ gốc: 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền mua bán tài sản số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bà Hà Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Q là 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 04/7/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo buộc bà Hà Thị D trả đủ số tiền đã vay tổng cộng 63.500.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bị đơn bà Hà Thị D (H1), không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hà Thị D thanh toán số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền mua thịt lợn 3.600.000 đồng; tổng cộng là 53.600.000 đồng. Còn bị đơn bà D cho rằng hiện nay chỉ còn nợ bà Q 5.000.000 đồng tiền vay và 3.600.000 đồng tiền mua thịt lợn; tổng cộng là 8.600.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền này nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận có xác lập 01 “Giấy vay nợ” đề ngày 10/9/2020 thể hiện bà D nhờ bà H1 vay bà Q giúp số tiền 30.000.000 đồng; 02 “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/01/2021 thể hiện bà D vay của bà Q số tiền 10.000.000 đồng và 20.000.000 đồng; 01 “Đơn xin khát nợ” thể hiện bà D còn nợ bà Q số tiền 30.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký tại các giấy trên là của mình. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận, không phải chứng minh.

[2.2] Hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi vay tiền thì các bên đã tiến hành đối chiếu chốt nợ tại “Đơn xin khát nợ” thể hiện bà D còn nợ bà Q tổng số tiền

30.000.000 đồng và hẹn sẽ trả vào ngày 27/6/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H1 cũng khẳng định bà D biết bà Q là do bà giới thiệu và bà là người bảo lãnh cho bà D vay tiền của bà Q và được hưởng hoa hồng từ bà Q. Bà khẳng định bà D chỉ còn nợ bà Q số tiền là 30.000.000 đồng theo “Đơn xin khất nợ”.

Bà D cho rằng sau khi chót nợ thì đã thanh toán cho bà Q được tổng số tiền 25.000.000 đồng, nên hiện nay chỉ còn nợ bà Q số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà D cung cấp “Giấy ghi nợ” thể hiện bà Q có nhận của bà D tổng số tiền 25.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 10/7/2021 nhận 10.000.000 đồng, ngày 20/11/2021 nhận 7.500.000 đồng, ngày 10/12/2021 nhận 2.500.000 đồng và ngày 27/12/2021 bà Q nhận 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Q cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết tại “Giấy ghi nợ” là của bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào “Đơn xin khất nợ” và “Giấy ghi nợ” trên để xác định hiện nay bà D chỉ còn nợ bà Q số tiền vay 5.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền mua thịt lợn 3.600.000 đồng bà D nợ bà Q, trong quá trình giải quyết vụ án bà D đồng ý trả cho bà Q số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn bà Hà Thị D về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản*”

Buộc bà Hà Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 8.600.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm ngàn đồng*).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Hà Thị D phải chịu 430.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Q phải chịu 2.250.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 1.593.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007135 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà Q còn phải nộp thêm số tiền 657.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002364 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà Q đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Di Linh;
- CCTHADS H. Di Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Tâm

